

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-4-2025
V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Phượng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 428/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26-3-2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 15, ấp L1, xã CL, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Đỗ Vĩnh P, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 15, ấp L1, xã CL, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị L và anh P đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-11-2024, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Đỗ Vĩnh P chung sống với nhau từ năm 2013, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Chị và anh P có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 20-10-2015.

Trong quá trình chung sống anh chị có 01 con chung cháu Đỗ Thành D, sinh ngày 16-4-2016, hiện đang sống với vợ chồng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vợ chồng sống hạnh P đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị và anh P bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ. Anh P không phụ chị tiền hay công sức đề lo cho gia đình cũng như con cái. Tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện đến ai và mạnh ai làm nấy sống từ năm 2023 cho đến nay.

Về con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu D, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Vĩnh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, chị Hoàng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn anh Phước thì chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Vĩnh P.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Thành D, sinh ngày 16-4-2016 cho chị L tiếp tục nuôi, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến cháu D thành niên và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Về án phí: Chị L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt, còn bị đơn anh Đỗ Vĩnh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Vĩnh P là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ. Anh P không phụ chị chăm sóc cho gia đình và tuy sống chung nhà nhưng anh chị không ai quan tâm đến ai, mạnh ai làm nấy sống. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P. Còn anh P, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, anh P cũng không có thiện chí hàn gắn nên mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung cháu Đỗ Thành D, sinh ngày 16-4-2016, hiện đang sống với anh chị. Chị L yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu D số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

[3.1] Xét yêu cầu nuôi con của chị L: Trong thời gian chung sống chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu D, anh P không phụ chị chăm sóc gia đình. Nghề nghiệp của chị L hiện nay là công nhân cạo mủ, có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu D là được sống cùng với chị L. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cho chị L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh P đều có thu nhập ổn định trung bình 7.500.000 đồng/tháng/người, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: “cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mặt khác, hiện nay cháu D đang ở độ tuổi đi học, để con được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của con thì yêu cầu của chị L buộc anh P cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình. Buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động được.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị L phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đỗ Vĩnh P. Chị L được ly hôn với anh P.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thành D, sinh ngày 16-4-2016 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu D thành niên và có khả năng lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0008273 ngày 07-11-2024 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đỗ Vĩnh P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS Huyện Dương Minh Châu;
- Ủy ban nhân dân xã CL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung